TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST Ngày 23 -01-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*Bà Thái Thị Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Lâm và ông Trần Đăng Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:*Ông Đinh Văn Tư - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa*: Bà Quách Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kỳ anh, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/TLST-HNGĐ ngày 21-6-2018 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Chị Trần Thị T; Sinh năm: 1994; địa chỉ: Thôn H, xã K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Chu Văn N; sinh năm: 1990; địa chỉ: Thôn H, xã K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Chu Văn N kết hôn với nhau vào ngày 12/4/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã được hai bên gia đình và UBND xã K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh nay là xã K, thị xã Kỳ Anh đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồngchung sống với nhau được 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không quan tâm lo lắng cho vợ con, thường xuyên rượu chè và đánh đập chị, bắt đầu từ ngày 09/9/2016 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện chị T xác định không còn tình cảm với anh N nữa nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh N. Về con chung, quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Chu Hiếu Q –

sinh ngày: 16-12-2014, nguyện vọng của chị T khi ly hôn là được quyền nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Văn N trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử hôm nay đều không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành rất nhiều biện pháp để đề nghị anh N phối hợp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp tuy nhiên không có kết quả. Anh N thường xuyên trốn tránh vì vậy Tòa án không tiến hành làm việc để lấy lời khai cũng như hòa giải giữa vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hai lần, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Về tình cảm: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được vì vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Chu Văn N. Về con chung: Đề nghị căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Chu Hiếu Q cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị T về không yêu cầu anh Chu Văn N phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung: Đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh Chu Văn N được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Bị đơn anh Chu Văn N vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, căn cứ vào Điểm b khoản 2 Điều 227, Điểm b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Chu Văn N kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh N không quan tâm lo lắng cho vợ con, thường xuyên rượu chè và đánh đập chị. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án anh N không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập cũng như các lần hòa giải của Tòa án. Qua xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ Lợi thì chị T, anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng anh N, chị T đã sống ly thân từ ngày 09/9/2016 mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được vì vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Chu Văn N.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Hiểu Q sinh ngày: 16/12/2014. Chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anhN cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu Chu Hiểu Q hiện nay đang sống với mẹ cuộc sống sinh hoạt và học tập đã ổn định không nên gây xáo trộn làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu. Hơn nữa chị T hiện có việc làm ổn định thu nhập là 4.300.000 đồng/01 tháng đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì vậy căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Chu Hiểu Qcho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị T về không yêu cầu anh Chu Văn N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Tlà nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình nên phải nộp án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 2 Điều 81; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điểm b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị T được ly hôn anh Chu Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Chu Hiểu Q – sinh ngày: 16-12-2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh Chu Văn N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng)án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006952, tiền án phí chị T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Chu Văn Ncó quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- Các đương sự;
- UBND xã Kỳ Lợi;
- Lưu Hồ sơ; VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Thái Thị Tân